TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10 /2023/DS-PT
Ngày 24 - 02 - 2023.
"V/v kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Minh

Các Thẩm phán: Ông Phạm văn Phấn

Bà Trần Thị Mỹ Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Như Quỳnh – Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An: Bà Trần Thị Tâm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 23,24 tháng 02 /2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2022/TLPT-DS ngày 22 tháng 12 năm 2022 về việc *"Kiện đòi tài sản".*

Do có kháng cáo của bà Trần Thị H là bị đơn đối với bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2022/DSST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 143/2022/QĐPT-DS ngày 26 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung T, sinh năm: 1964

Trú tại: Phường X,TpV, tỉnh N. Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Võ Sỹ H, sinh năm: 1997; Hộ khẩu thường trú: Xóm 8, xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An; chỗ ở hiện nay:Xã X, TPV, tỉnh N. Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án

Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm: 1983; địa chỉ: Phường T, TPV, tỉnh N. Có mặt

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

1. Bà Hồ Thị Lan Hương, sinh năm: 1994. Vắng mặt

2. Bà Nguyễn Thị Anh, sinh năm: 1993. Có mặt

Đều công tác tại: Văn phòng Luật sư Vinh Diện và Cộng sự; địa chỉ: Số 9A đường Nguyễn Trãi, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án Dân sự sơ thẩm số: 29/2022/DS-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn ông Nguyễn Trung T trình bày: Cuối năm 2016 và năm 2017 qua mối quen hệ quen biết, bà Trần Thị H đặt vấn đề vay tiền ông T để mua đất tại xã Hưng Chính, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Lần thứ nhất bà H vay ông T số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) để trả tiền đặt cọc mua đất. Ông T đồng ý cho vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), số tiền này ông T đã đưa trực tiếp cho bà H trước cổng nhà bà H tại khối 14, phường Cửa Nam, thành phố Vinh không viết giấy vay nợ. Việc vay tiền chỉ có bà H và ông biết, ngoài ra không có ai chứng kiến. Lần thứ hai, khi bà H nói tiền mua đất còn thiếu 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) và hỏi vay ông T số tiền này, vì tin tưởng nên ông T nói bà H đưa số tài khoản ông T chuyển khoản cho vay. Ngày 11/4/2017, ông T đã chuyển khoản 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) vào tài khoản Techcombank chi nhánh Nghệ An của bà H, số nợ này ông có giấy nộp tiền và giấy báo có của Ngân hàng. Sau đó ông tìm hiểu ra thì biết bà H không mua đất ở xã Hưng Chính mà bà H đã mua đất ở xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Ngày 16/8/2021 bà H đã bán đất cho người khác. Nhiều lần ông T đã đòi nợ bà H nhưng bà H không chịu trả. Vào khoảng tháng 7 năm 2017, do bị ốm đau nên ông T điều trị tại Bệnh viện 108. Sau khi điều trị bệnh xong, ông T về và gọi điện thoại cho bà H để đòi nợ nhưng bà H đã chặn điện thoại và zalo nên ông không liên lạc được. Đến đầu năm 2021, sau khi nghỉ hưu thì ông đến nhà bà H để đòi nợ bà H không chịu trả mà còn xúc phạm ông. Nên vào ngày 15/3/2021, ông T làm đơn tố giác lên Công an thành phố Vinh về hành vi "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" của bà H. Công an thành phố Vinh xác định đây là tranh chấp dân sự nên ông T làm đơn khởi kiện lên Tòa án nhân dân thành phố Vinh. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án ông T yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Vinh buộc bà Trần Thị H phải trả số tiền 370.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng) tiền vay gốc và tiền lãi suất kể từ ngày 12/4/2017 là 199.667.000 đồng (Một trăm chín mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi bảy ngàn đồng) tính theo lãi suất quy định 10%/1 năm được quy định tại điều 468 tại Bộ luật dân sự năm 2015. Tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 15/08/2022 là 569.667.000 đồng (Năm trăm sáu mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi bảy ngàn đồng). Ông T cho rằng bà H thừa nhận đã nhận số tiền 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) của ông trong tài khoản là đúng, còn lời khai của bà H do ông có tình cảm nên cho bà H số tiền trên là hoàn toàn sai và gian dối mâu thuẫn với lời khai của bà H tại cơ quan điều tra là bà H khai không vay tiền mà do ông T nhờ tài khoản của bà H để chuyển khoản vào tài khoản của bà H sau đó bà H đưa số tiền mặt 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) trả cho ông T. Thực tế bà H vay tiền ông thì mới có việc ông chuyển khoản. Còn nếu như giữa ông và bà H có tình cảm thì ông chỉ cho bà H số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) đến 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) chứ

không cho bà H nhiều tiền như vậy. Việc bà H khai ông xin việc cho bà H làm việc ở trường tiểu học Cửa Nam là sai, vì ông không quen biết ai ở trường. Do vợ ông T làm việc ở trường tiểu học Cửa Nam đã lâu thấy hoàn cảnh của bà H khó khăn nên vợ ông T đã xin cho bà H làm việc ở trường. Lương của bà H 3.500.000 đồng/ tháng không đủ nuôi con thì lời khai của bà H mỗi lần ông T đi công tác bà H đưa tiền cho ông T là bịa đặt. Đối với số tiền vay 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) này sau khi bà H nhận được thì ngày hôm sau bà H đã rút số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), số tiền còn lại 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) bà H đã rút ra và gửi tại Ngân hàng Techcombank. Sau đó 01 năm sau thì bà H đã sử dụng số tiền này để mua đất.

Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu bà Trần Thị H phải trả số tiền vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và số tiền lãi từ ngày 12/4/2022 đến nay là 199.667.000 đồng (Một trăm chín mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi bảy ngàn đồng). Nay ông Nguyễn Trung T yêu cầu bà Trần Thị H trả lại số tiền vay 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn – bà Trần Thị H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đều thống nhất trình bày: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Trung T quen biết nhau cuối năm 2014, lúc đó bà H đang làm nhân viên Đại lý vé máy bay tại Quán Bàu do chị Phùng Thị H làm chủ. Quá trình quen biết bà H và ông Nguyễn Trung T có nảy sinh tình cảm, ông T có sự quan tâm chăm sóc bà, nhiều lần ông T cho mẹ con bà H quà. Do thấy bà H làm mẹ đơn thân vất vả nên ông T đã giới thiệu đến trường tiểu học Cửa Nam để làm tạp vụ vào đầu năm 2017. Tại đây, bà có làm việc với bà T(là vợ của ông T) cùng làm tạp vụ tại trường. Từ năm 2015 đến năm 2017, nhiều lần ông T nói cho số tiền lớn nhưng bà H không nhận. Vào khoảng tháng 4 năm 2017, sau khi bà H và ông T nghỉ tại nhà nghỉ Việt Nga tại đường 32, thành phố Vinh thì ông T nói cho tiền và đã chuyển khoản số tiền 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) vào thẻ tài khoản của Ngân hàng Techcombank của bà H. Bà H đã dùng số tiền này để trang trải cuộc sống, mua sắm quần áo, đi ăn uống với ông T, đôi khi đi công tác bà H còn đưa lại tiền cho ông T. Việc ông T cho bà là hoàn toàn tự nguyện nên bà không có nghĩa vụ trả lại số tiền này. Từ năm 2017 cho đến khoảng đầu năm 2021, thì ông T không hề yêu cầu bà H trả lại tiền. Đến đầu năm 2021, ông T gặp bà H tại quán Cà phê cùng với bạn. Sau đó, ông T đến nhà đề nghị quay lại tình cảm với ông T nhưng bà H không đồng ý nên ông T ghen tuông và nghi ngờ bà H. Do bà Hiệp không đồng ý quay lại với ông T nên ông T yêu cầu bà H trả lại số tiền 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) mà ông T đã chuyển khoản cho bà H trước đó. Ông T về nói với bà T(là vợ của ông T) là bà H vay tiền của ông T, thì bà Tđã biết được mối quan hệ của bà H với ông T nên bà Tđã đánh ghen tại nhà ở của bà H và tại trường nên nhà trường đã cho bà H nghỉ việc.

Việc ông T làm đơn khởi kiện lên Tòa án nhân dân thành phố Vinh buộc Bà H phải trả số tiền 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) tiền vay là không có căn cứ pháp luật vì: Giữa bà H và ông Nguyễn Trung T không tồn tại Hợp đồng vay tiền nào. Ngoài trình bày của ông T tại đơn khởi kiện, ông T không đưa ra được căn cứ chứng minh nào chứng tỏ bà có quan hệ vay mượn tiền với

ông T. Từ năm 2017, nếu có việc vay tiền giữa bà H và ông T thì cho đến nay ông T phải yêu cầu bà H trả tiền nợ gốc và lãi vay, mặc dù bà H vẫn ở chỗ cũ và làm việc cùng với bà T(là vợ của ông T). Tuy nhiên từ đó đến nay chưa lần nào ông T yêu cầu bà H phải trả tiền lãi hay tiền gốc gì. Các chứng từ chuyển tiền của ông T không thể hiện việc cho vay. Nếu có việc chuyển tiền trong thời gian trên thì đó là số tiền ông T cho bà H, có tình cảm nên cho bà H để có các chi phí đi ăn, đi chơi với ông T chứ bà H không hề vay mượn gì ông T cả. Việc ông Nguyễn Trung T cho bà H vay tiền để đặt cọc, mua đất là không có căn cứ pháp luật. Bà H và vợ của ông T là đồng nghiệp nên có việc vay tiền thì bà H vay của bà Tchứ không vay của ông T. Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông T thì bà không có ý kiến gì.

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An quyết định:

Căn cứ vào: Các điều 26, 35, 39, 147, khoản 2 điều 244; 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 119, 166, 463, 465, 466, khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với một phần yêu cầu của ông Nguyễn Trung T về việc buộc bà Trần Thị H phải trả số tiền vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và số tiền lãi từ ngày 12/4/2022 đến nay là 199.667.000 đồng (Một trăm chín mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi bảy ngàn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trung T. Buộc bà Trần Thị H phải trả cho ông Nguyễn Trung T số tiền là 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Bà Trần Thị H phải chịu số tiền án phí DSST là 13.500.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Trả lại cho ông Nguyễn Trung T 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh theo Biên lai thu tiền số 0010164 ngày 27/6/2022.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền, nghĩa vụ thi hành án dân sự và tuyên quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/9/2022, bị đơn bà Trần Thị H có đơn kháng cáo nộp với nội dung: Kháng cáo toàn bộ Bản án số: 29/2022/DS-PT ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm

- Bị đơn bà Trần Thị H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H trình bày: Số tiền 270.000.000đ mà ông T chuyển khoản cho bà H là ông T tặng cho bà H vì giữa ông T và bà H có mối quan hệ tình cảm. Ông T cho rằng cho bà H vay nhưng ông T không chứng minh dược ông T cho bà H vay. Căn cứ Điều 91 BLTTDS nghĩa vụ chứng minh bà H vay số tiền 270.000.000đ thuộc trách nhiệm của nguyên đơn, tại phiên tòa nguyên đơn không chứng minh được việc bà H vay tiền nên đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm. Bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Trung T.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Do có quan hệ quen biết nên bà H hỏi vay tiền nên ông T đã chuyển khoản cho bà H vay số tiền nêu trên. Việc bà H trình bày giữa ông T và bà H có mối quan hệ tình cảm nam nữ là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

1. Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm vụ việc.

2. Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 309 BLTTDS: Chấp nhận đơn kháng cáo của bà H; Sửa bản án sơ thẩm.

Đề nghị HĐXX: Bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Trung T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Trần Thị H làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị H về việc yêu cầu cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của nguyên đơn:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Thực và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông T yêu cầu bị đơn bà Trần Thị H phải trả số tiền đã vay là 270.000.000 đồng. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc bà H phải trả số tiền đã vay là 270.000.000 đồng.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thấy rằng: Nguyên đơn ông T cung cấp một giấy nộp tiền mặt trong đó thể hiện ngày 11/4/2017 ông T đã chuyển tiền vào tài khoản của bà H số tiền 270.148.500 đồng với nội dung: Chuyển khoản có chữ ký và viết của người nộp tiền là ông Nguyễn Trung T. Ông T trình bày đây là

số tiền ông T cho bà H vay để mua đất, việc vay mượn không có giấy tờ và hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng. Bị đơn bà H không thừa nhận bà H vay ông T số tiền này mà do giữa ông T và bà H có quan hệ tình cảm với nhau nên ông T cho bà H số tiền trên để trang trải cuộc sống. Quá trình thu thập tài liệu thể hiện sau khi ông T chuyển tiền bà H gửi tiết kiệm 260.000.000đ không mua đất như ông T trình bày.

Như vậy, ông T khởi kiện yêu cầu bà H trả cho ông số tiền vay 270.000.000đ thì ông T phải có nghĩa vụ chứng minh số tiền trên ông cho bà H vay. Tuy nhiên, căn cứ tài liệu ông T cung cấp phô tô màn hình điện thoại thể có dòng chữ ông T cho rằng đó là tin nhắn thể hiện bà H hứa trả nợ cho ông, nội dung này không thể hiện bà H vay tiền của ai và số tiền như thế nào. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền 270.000.000đ ông T đã chuyển khoản là cho vay thì ông T phải có nghĩa vụ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp theo quy định tại Điều 91 BLTTDS. Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ chỉ thể hiện nội dung ông T chuyển khoản cho bà H số tiền 270.000.000đ từ ngày 11/4/2017 không có nội dung cho bà H vay số tiền trên. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, ông T có cung cấp bản ảnh chụp màn hình điện thoại, đơn tố giác tội phạm của ông Nguyễn Trung T gửi Cơ quan điều tra Công an thành phố Vinh, bản tường trình sự việc của bà Phạm Thị Thủy (vợ ông T). Tuy nhiên, các tài liệu này đã có tại hồ sơ vụ án và cũng không có giá trị chứng minh ông T đã cho bà H vay số tiền trên. Mặt khác, bị đơn bà H từ trước đến nay đều không thừa nhận bà H vay số tiền trên của ông T mà số tiền này là ông T cho bà H vì giữa hai người có quan hệ tình cảm với nhau, ngoài cho tiền thì ông T còn tặng cho bà H các vật dụng khác như máy tính xách tay, quạt hơi nước... Quá trình giải quyết vụ án, bà H đã cung cấp tài liệu là các lời khai của các nhân chứng thể hiện vào khoảng tháng 2/2021, bà T(vợ ông T) đến nhà bà H để đánh ghen với bà H do nghi ngờ bà H có quan hệ tình cảm với bà H.

Hội đồng xét xử thấy rằng, theo nguyên tắc giải quyết vụ án dân sự thì Tòa án chỉ giải quyết những yêu cầu đương sự đặt ra cụ thể trong vụ án này ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H trả lại số tiền 270.000.000đ đã vay. Ông T đòi lại số tiền trên từ bà H nhưng không chứng minh được nghĩa vụ phải trả tiền của bà H nên chưa đủ căn cứ để chấp nhận nội dung khởi kiện của nguyên đơn là ông T. Bản án sơ thẩm xác định ông T đã chuyển khoản cho bà H số tiền 270.000.000 đồng, bà H đã sử dụng số tiền này và quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà H phải trả số tiền 270.000.000 đồng đã vay cho ông T là không đúng quy định của Bộ luật tố tụng về nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh theo quy định tại Điều 6 Bộ luật Tố tụng dân sự của người khởi kiện.

Do đó, có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trần Thị H sửa bản án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Trung T do chưa đủ căn cứ để khởi kiện như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3]. Về án phí: Kháng cáo của chị Trần Thị H được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

Về án phí dân sự: Khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự. Tuy nhiên, ông T có đơn xin giảm tiền án phí, thấy rằng ông T hiện nay đã nghỉ hưu, hoàn cảnh khó khăn nên giảm phần lớn án phí dân sự cho ông T. Buộc ông T phải chịu số tiền đã nộp tạm ứng áp phí là phù hợp.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị H, Sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 26,35,39, 148 Bộ luật tố tụng dân sự ;Điều 119,166,463,465,466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trung T đối với yêu cầu bà Trần Thị H trả lại cho ông số tiền 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng)

3. Về án phí: Ông Nguyễn Trung T phải chịu áp 500.000đ án phí dân sự, nhưng được trừ 500.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 00101164 ngày 27/6/2022 tại Chi cục thi hành án thành phố Vinh.

Về án phí phúc thẩm: Bà Trần Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho bà Trần Thị H số tiền 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0010276 ngày 28/9/2022 tại Chi cục thi hành án thành phố Vinh.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND, VKSND thành phố Vinh;
- Chi cục THADS thành phố Vinh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hải Minh